

Bản án số: 369/2024/DS-ST

Ngày: 27-11-2024.

V/v: yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất và yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật đối với việc thực hiện quyền sở hữu, quyền khác đối với tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐÔNG ĐA THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Quản Văn Tiến

Các hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Cờ;

Ông Lê Bá Lung;

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Diệp Anh**- Thư ký Tòa án nhân dân quận Đông Đa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Đông Đa Hà Nội tham gia phiên Tòa: Bà **Phạm Thanh Thúy**- Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Đông Đa xét xử công khai sơ thẩm vụ án Dân sự thụ lý số 161/2022/TLST-DS ngày 19/10/2022 về việc Tranh chấp yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất và yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật đối với việc thực hiện quyền sở hữu, quyền khác đối với tài sản. ; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 361 ngày 03/10/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 351 ngày 31/10/2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Hồng C, sinh năm: 1938; bà **Vũ Thị Tuyết L**, sinh năm: 1941; Cùng đăng ký thường trú: Số B phố K, phường K, quận Đ, Hà Nội. Bà Vũ Thị Tuyết L ủy quyền cho ông Nguyễn Hồng C đại diện. Ông C có mặt.

Bị đơn: Ông Vũ Viết P; Đăng ký thường trú: Số H, ngõ A phố K, tổ F, khu dân cư S, phường K, Đ, Hà Nội. Ông P vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Vũ Viết P1; Đăng ký thường trú: Số B, ngõ A phố K, tổ F, khu dân cư số I, quận Đ, Hà Nội. Ông P1 vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện, các văn bản trình bày trong quá trình giải quyết vụ án, ông Ông Nguyễn Hồng C, bà Vũ Thị Tuyết L trình bày:

Ngày 02/03/1978 ông Vũ Viết T và bà Vũ Thị Tuyết L xác lập “Giấy nhượng lại đất cho em”. Theo đó, ông Vũ Viết T nhượng lại cho bà toàn bộ thửa đất diện tích 209m². Nay được xác định là thửa đất số 55 tờ bản đồ 6G-V-31 với nội dung như sau:

* Nguồn gốc sử dụng đất:

- Thừa đất ông Tư nhượng lại cho bà L thuộc quyền quản lý, sử dụng của cụ Nguyễn Thị B - mẹ đẻ của ông T;

- Vị trí thửa đất: Trước cổng đình, cạnh giếng làng.

- Diện tích: 04 thước tương đương 209m².

- Mục đích sử dụng trước khi nhượng: canh tác và trồng rau muống.

- Sau cải cách ruộng đất được công nhận là đất nguyên canh nguyên cư.

* Mục đích nhượng quyền sử dụng đất: Nhượng quyền sử dụng đất cho bà L làm nhà để ở do hoàn cảnh khó khăn không có nhà ở.

* Hiện trạng đất trước khi nhượng và sử dụng:

- Ngày 02/3/1978 ông Đào Bá Á - nguyên tổ trưởng tổ dân phố số A xác nhận: “Đất của cụ B nay ông bà Tư nhượng lại cho bà L để sử dụng”;

- Sau khi nhận lại quyền sử dụng đất, năm 1978 vợ chồng bà dựng tạm 01 nhà cấp 4 sử dụng vào mục đích để ở;

- Cuối năm 1993 vợ chồng bà tiến hành xây dựng mới 01 nhà kiên cố, diện tích xây dựng khoảng 100m², quy mô 02 tầng và tiếp tục sinh sống ổn định tới nay;

- Phần diện tích còn lại bao gồm:

+ 01 phần đất chứa 03 ngôi mộ của các cụ họ V có diện tích khoảng 17,35m²

+ 01 phần đất xây dựng nhà bếp và công trình phụ trợ có diện tích khoảng 10m²

- Kể từ khi ông T xác lập giấy chuyển nhượng đất cho bà được UBND phường K xác nhận trong gia đình, họ tộc không có ai phản đối, tranh chấp. Mọi người đều công nhận quyền sử dụng đất và sở hữu nhà hợp pháp của vợ chồng bà.

Đến ngày 24/11/1980 ông T xác lập “Giấy khai báo sử dụng nhà đất” gửi Ủy ban hành chính tiểu khu K theo đó đề nghị Ủy ban hành chính tiểu khu K công nhận quyền sử dụng đất cho bà với nội dung như sau:

- Ông T trình bày lại nội dung nhượng lại quyền sử dụng đất cho bà L theo Giấy nhượng đất ngày 02/3/1978;

- Ngày 25/11/1980 ông Đào Bá Á - nguyên tổ trưởng tổ dân phố số A xác nhận “Ông bà T sử dụng diện tích đất nhượng cho bà L đến thời điểm xác nhận”.

- Ngày 25/11/1980 ông Nguyễn Văn T1 - nguyên cán bộ ban kiểm tra ruộng đất chứng nhận: “xác nhận thửa đất của ông T được quyền sử dụng trong cải cách ruộng đất đúng trong đơn của ông T để lại cho cô L”.

- Ông Nguyễn Hữu T2 - nguyên tổ trưởng tổ dân phố số G xác nhận: “Đất của cụ B nay cho cô L. Vậy đề nghị các cấp chính quyền giúp đỡ gia đình cô L”.

Ngày 19/05/1988 ông Phạm Mạnh T3 nguyên Phó Chủ tịch UBND phường K thực hiện đo đạc, xác định diện tích thửa đất ông Tư N lại cho bà L là 209m².

- Ngày 30/9/1991, ông Nguyễn Đình Q nguyên Chủ tịch UBND phường K xác nhận vợ chồng bà có hộ khẩu thường trú tại phường K và chứng nhận chữ ký của các ông Đào Bá Á và Nguyễn Hữu T2 tại văn bản.

- Năm 2003, ông Vũ Viết P1 là con trai của ông Vũ Viết T có đơn gửi UBND phường K đề nghị cho tôn tạo lại mộ phần nằm trong phần diện tích đã nhượng cho bà

L, mặc dù mộ nằm trong diện tích bà đã mua và thanh toán đủ tiền cho ông T, nhưng bà vẫn giữ nguyên trạng phần mộ, chăm sóc chu đáo, đóng góp đầy đủ kinh phí để chỉnh trang tôn tạo phần mộ nên bà không đồng ý việc ông P1 đề nghị cải tạo phần mộ với quy mô lớn hơn có mái che do như vậy sẽ ảnh hưởng đến đời sống sinh hoạt bình thường của gia đình bà. Về việc này UBND phường K đã có kết luận tại biên bản hòa giải ngày 11/4/2003 như sau: Yêu cầu các bên giữ nguyên hiện trạng, không được xây dựng gì.

Để tránh những xung đột bất hòa không đáng có trong gia đình, họ tộc, vợ chồng bà đã tự nguyện dành một phần diện tích đất có chiều dài 0,6m x chiều rộng đầu ngoài 0,95m cuối 0,65m giáp với Hợp tác xã Đ1 (biên số nhà B phố K) để làm lối đi chung và thuận tiện cho việc ra vào thăm viếng, thắp hương các cụ.

Tuy nhiên trong thời gian gia đình bà L về quê có việc, không biết ai đã tự ý lợp mái trên khung tường bếp cũ của gia đình bà, xây bệ và đặt bát hương bên trong và ông P đã tự ý sử dụng phần đất đó với diện tích khoảng 10m², thậm chí còn có hành vi lăng mạ, hành hung khi gia đình bà không đồng ý với việc làm của ông P.

Hành vi của ông P là trái pháp luật, xâm hại trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của vợ chồng bà. Do vậy bà đề nghị Tòa án nhân dân quận Đống Đa xem xét, giải quyết:

1. Công nhận hiệu lực của “Giấy nhượng lại đất cho em” giữa ông Vũ Viết T và bà Vũ Thị Tuyết L lập ngày 02/3/1978, 24/11/1980;

2. Tuyên ông có quyền tháo dỡ công trình trái phép trên diện tích đất (khoảng 10m²) là bếp, công trình phụ trợ trước đây mà ông P đang chiếm giữ trái phép theo giấy nhượng lại đất ngày 02/3/1978 để gia đình bà sử dụng.

3. Buộc các ông Vũ Viết P chấm dứt hành vi chiếm giữ trái pháp luật, đe dọa, cản trở quyền sử dụng đất hợp pháp theo giấy nhượng lại đất ngày 02/3/1978.

4. Gia đình bà tự nguyện để lại phần đất có mộ và lối đi vào khu mộ để mọi người vào hương khói.

Tại văn bản trình bày trong quá trình giải quyết vụ án, ông Vũ VI và Vũ Viết P1 cùng thống nhất trình bày:

Bố các ông là Vũ Viết T; ông T và bà L là hai anh em con chú, con bác. Theo mẹ các ông nói lại, bà L ở tập thể chặt chội, nên cho cô L về nơi đất khai hoang, trông nom mồ mả. Năm 1978 gia đình bà L ở tại khu đất đó cho đến nay.

Khoảng năm 1993-1994 gia đình ông C, bà L xây dựng, có để chừa lại phần lối đi vào khu mộ; ông C, bà L xây tách biệt hẳn, không liên quan gì đến khu mộ.

Khu mộ là của cả dòng họ con cháu Vũ Viết M và cụ Vũ Viết T4, trong đó ông P1 là con trưởng của ông T. Mộ đó gồm cụ và 02 ông (một ông là ông nội của các ông (bố đẻ ra ông T), một ông là bố đẻ bà L).

Từ năm 1980 cho đến nay dòng họ nhà các ông đã quản lý và sử dụng toàn bộ diện tích khu mộ như hiện nay.

Đối với các giấy nhượng quyền sử dụng đất do ông C đã nộp tại Tòa, gia đình ông hoàn toàn không biết, gia đình cũng chưa bao giờ nghe thấy việc bố các ông

chuyển nhượng đất cho vợ chồng bà L, ông C.

Các ông không đồng ý với toàn bộ ý kiến, yêu cầu của ông C, bà L. Đề nghị Tòa án không chấp nhận toàn bộ ý kiến, yêu cầu của ông C.

Tại phiên tòa:

** Ông C, bà L do ông C đại diện theo ủy quyền sửa đổi một phần yêu cầu, cụ thể:*

1. Đề nghị Tòa án nhân dân quận Đống Đa xác nhận quyền sử dụng đối với thửa đất tại địa chỉ số B phố K, quận Đ, thành phố Hà Nội có diện tích 134,2m² là của vợ chồng ông Nguyễn Hồng C và bà Vũ Thị Tuyết L.

2. Do không biết ai đã tự ý lợp mái trên khung tường khu bếp cũ của gia đình ông. Do vậy đề nghị Tòa tuyên gia đình ông có quyền tháo dỡ toàn bộ công trình đã xây dựng trái phép diện tích 9,1m² là khu bếp cũ (hiện nay đang là gian nhà tạm có xây bệ để bát hương) và phần móng nhà tính từ chân tường ra là 22cm chạy dọc theo tường nhà phía bên phải khu mộ.

3. Ông bà tự nguyện để lại đường đi vào khu mộ và diện tích đất tại khu mộ (sau khi đã trừ đi phần yêu cầu trên) để làm nơi cho mọi người tới hương khói, thờ cúng các cụ.

4. Yêu cầu ông P, ông P1 chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật đối với phần diện tích đất thuộc quyền quản lý và sử dụng của ông bà.

Ngoài ra, ông C, bà L không yêu cầu gì khác.

**Bị đơn ông Vũ Viết P và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Vũ Viết P1 đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do, không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình và vắng mặt tại phiên tòa, Hội đồng xét xử công bố các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ.*

*** Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Đống Đa tham gia phiên tòa có ý kiến:**

Về tố tụng: Quá trình Tòa án thụ lý vụ án cho đến khi đưa quyết định đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán, Thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật; Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã tiến hành tố tụng theo đúng các quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự. Vụ án vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử.

** Về nội dung:*

Căn cứ điều 26, 35, 39 Bộ luật TTDS; Căn cứ Nghị Quyết 02/2004 Nghị Quyết Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn pháp áp dụng pháp luật trong việc giải quyết các vụ án dân sự, hôn nhân và gia đình, điều 164,181 BLDS. Căn cứ nghị quyết 326 quy định về án phí lệ phí tòa án; Đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Chấp nhận yêu khởi kiện của ông Nguyễn Hồng C, bà Vũ Thị Tuyết L đối với ông Vũ Viết P.

Xác nhận diện tích đất 134,4m² đất tại thửa đất số 55 tờ bản đồ số 6G-IV-31 tại địa chỉ số B phố K, quận Đ, thành phố Hà Nội (mốc giới 1,2,4,5,6,7,8,9,110,11,1) thuộc quyền sử dụng của ông Nguyễn Hồng C và bà Vũ Thị Tuyết L.

2. Ghi nhận sự tự nguyện của ông C, bà L dành diện tích 16,7m² đất khu mộ và lối đi chung tại thửa đất số 55 tờ bản đồ số 6G-IV-31 tại địa chỉ số B phố K, quận Đ, thành phố Hà Nội (mốc giới 5,6,7,8,12,14,15,5) để con cháu tiện việc hương khói đối với các ngôi mộ.

3. Ông C, bà L có quyền tháo dỡ phần nhà tạm diện tích 9,1m² tại thửa đất số 55 tờ bản đồ số 6G-IV-31 tại địa chỉ số B phố K, quận Đ, thành phố Hà Nội (mốc giới 12,13,8,9,10,11,12) để quản lý và sử dụng theo quy định.

Về án phí: Bị đơn phải chịu án dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Quan hệ pháp luật: Ông C, bà L khởi kiện dân sự, kèm theo đơn khởi kiện ông C, bà L có nộp Giấy nhượng lại đất cho em giữa ông bà và ông Vũ Viết T; Giấy khai báo sử dụng nhà đất của ông Vũ Viết T; Căn cứ khoản 3 Điều 26 Bộ luật dân sự; Điều 158, Điều 166 Bộ luật dân sự, xác định quan hệ pháp luật là yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất và yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật đối với việc thực hiện quyền sở hữu, quyền khác đối với tài sản.

- Thẩm quyền: Yêu cầu của nguyên đơn xuất phát từ đối tượng tranh chấp là bất động sản; Căn cứ khoản 2 Điều 26, Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Tòa án nhân dân quận Đống Đa thụ lý, giải quyết và xét xử là đúng thẩm quyền.

- Việc vắng mặt của đương sự: Tòa án đã triệu tập hợp lệ các đương sự tham gia phiên tòa lần thứ 2, tuy nhiên bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt không có lý do; Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Về nội dung:

2.1. Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc xác nhận quyền sử dụng đất:

Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện:

Ngày 02/03/1978 bà Vũ Thị Tuyết L và ông Vũ Viết T ký kết “Giấy nhượng lại đất cho em”. Ngày 24/11/1980 ông Vũ Viết T có làm “Giấy khai báo sử dụng nhà đất” gửi Ủy ban hành chính tiểu khu K có nội dung “*Mẹ tôi là Nguyễn Thị B là mẹ liệt sỹ Vũ Viết N1 hy sinh trong kháng chiến chống Pháp, hiện nay vẫn còn sống 96 tuổi có một mảnh đất khoảng hơn 5 thước thường trồng rau muống và cấy lúa ở trước cổng đình bên cạnh giếng làng K. Sau năm 1945 hồi Tây N2 rào giây thép gai tôi phải bỏ mất một thời gian, sau vợ tôi là Đỗ Thị G lại tiếp tục làm cho tới khi cải cách ruộng đất và tới nay mẹ tôi và gia đình tôi sử dụng. Tôi có dựng một cái nhà nhỏ hơn 10m² vì cô em tôi là Vũ Thị Tuyết L ở 132 tổ 7 khối 77 cả hai vợ chồng đều là cán bộ công nhân trong biên chế nhà nước làm ở nhà máy A ở cùng với nhà anh là Vũ Viết T5 vì nhà quá chật hẹp lại dột nát, các cháu đã lớn, không thể ở chung được nên tôi cho em tôi là Vũ Thị Tuyết L và gia đình ra ở cái nhà trên mảnh đất đó, để tạo điều kiện chỗ ở*

hiện tại cho gia đình em tôi. Vậy tôi làm giấy này thiết tha đề nghị Q1 ban xét và giải quyết cho em tôi được sử dụng mảnh đất của gia đình tôi đã sử dụng cách đây hơn 40 năm, để các em tôi an tâm công tác phục vụ cho nhà nước....”

Tại Giấy khai báo sử dụng nhà đất của ông T ngày 25/11/1980 ông Đào Bá Á - nguyên tổ trưởng tổ dân phố số A xác nhận “Ông bà Vũ Viết T ở tổ A tiểu khu K sử dụng miếng đất trước cửa đình cạnh giếng đã lâu từ hồi Pháp tạm chiếm, đến khi cải cách ruộng đất có chính sách nguyên canh, nguyên cư nên ông bà T vẫn sử dụng từ đấy đến nay”. Ngày 25/11/1980 ông Nguyễn Văn T1 - nguyên cán bộ ban kiểm tra ruộng đất chứng nhận : “tôi Ban kiểm tra ruộng đất của Khương Thượng xác nhận thửa đất của ông Vũ Viết T được quyền sử dụng trong cải cách ruộng đất đúng trong đơn của ông Vũ Viết T để lại cho cô Vũ Thị Tuyết L”. Ông Nguyễn Hữu T2 - nguyên tổ T xác nhận : “Tôi biết mảnh đất này là của cụ Nguyễn Thị B... vì tình người nhà nên cụ B có nhượng lại cho cháu là cô L. Vậy đề nghị các cấp chính quyền giúp đỡ gia đình cô L”. Ngày 19/05/1988 ông Phạm Mạnh T3 nguyên Phó Chủ tịch UBND phường K thực hiện đo đạc, xác định diện tích thửa đất là 209m².

- Ngày 30/9/1991, ông Nguyễn Đình Q nguyên Chủ tịch UBND phường K xác nhận ông C, bà L có hộ khẩu thường trú tại phường K và chứng nhận chữ ký của các ông Đào Bá Á và Nguyễn Hữu Tuyền Nguyễn Văn Đ tại văn bản.

Tại công văn số 221/UBND-VP ngày 30/10/2023 của UBND phường K cũng xác định nguồn gốc, quá trình sử dụng thửa đất: “ Căn cứ bản đồ địa chính do Xí nghiệp Liên hợp trắc địa bản đồ số 1, Tổng cục Địa chính lập, được Sở địa chính Hà Nội bàn giao cho UBND phường K ngày 6/12/1996, thửa đất tại 218 phố Khương Thượng là thửa đất số 55 tờ bản đồ số 6G-IV-31 có tổng diện tích 133,4m². Thửa đất trên có nguồn gốc do bà Nguyễn Thị B sử dụng từ lâu. Ngày 02/3/1978 do bà B đã lớn tuổi và mắt kém, ông Vũ Viết T (là con trực tiếp nuôi dưỡng bà B) đã viết giấy nhượng một phần thửa đất đang sử dụng cho bà Vũ Thị Tuyết L theo giấy tờ viết tay. Ngày 24/11/1980, ông Vũ Viết T viết “Giấy khai báo sử dụng nhà đất” gửi Ủy ban hành chính tiểu khu K đề nghị xem xét giải quyết cho bà Vũ Thị Tuyết L được sử dụng mảnh đất trên. Tại thời điểm chuyển nhượng ngày 02/3/1978, trên thửa đất đã tồn tại một ngôi mộ(gồm 03 tiểu) của các cụ trong dòng họ Vũ Viết . Theo gia đình bà L, ông C trình bày, cuối năm 1978, ông T và ông H (đại diện cho dòng họ Vũ V2) có đến nhà và xin được xây mới lại ngôi mộ theo hình thức xây bao tròn có đường kính 1,4m. Trong quá trình sử dụng đất, bà Vũ Thị Tuyết L và chồng là ông Nguyễn Hồng C đã chuyển nhượng một phần diện tích đất, người nhận chuyển nhượng đã được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận; phần diện tích đất còn lại ông C, bà L đã sử dụng một phần để xây dựng, cải tạo nhà để ở. Phần diện tích đất còn lại có ngôi mộ, hàng năm các con cháu dòng họ Vũ Viết vẫn qua lễ mộ các cụ. Quá trình sử dụng đất gần khu mộ phát sinh tranh chấp giữa các bên”.

Việc ông C, bà L khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết là phù hợp với quy định tại Điều 4, Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, lời trình bày của các đương sự trong vụ án có đủ căn cứ xác định, tại “Giấy nhượng lại đất cho em” ký giữa ông Vũ Viết T và bà Vũ Thị Tuyết L ngày 02/3/1978 đã được thực hiện xong, ông T đã giao mảnh đất diện tích 209m² cho bà L, bà L đã nhận đất, xây dựng nhà cửa, sinh sống ổn định, thường xuyên từ năm 1978 tới nay. Gia đình bà L cũng thực hiện việc đóng thuế đầy đủ, chính quyền địa phương cũng tiến hành đo đạc, xác định thửa đất có ký hiệu số 55 tờ bản đồ 6G-IV-31; Trong suốt thời gian ông C, bà L quản lý sử dụng đất, không ai thắc mắc, khiếu nại, tranh chấp gì liên quan đến diện tích cụ T đã nhượng lại cho bà L, một phần diện tích đất quá trình sử dụng ông C, bà L đã chuyển nhượng cho người khác và người nhận chuyển nhượng đã được cấp giấy chứng nhận. Căn cứ Điều 3, 100, 101 Luật Đất đai; Điều 5, Điều 7 Bộ luật dân sự; xác định quyền sử dụng diện tích 134,2m² thửa đất số 55 tờ bản đồ 6G-IV-31 địa chỉ 218 phố K thuộc quyền sử dụng của ông C, bà L; Ông C, bà L có đầy đủ quyền chiếm hữu, quyền sử dụng và quyền định đoạt tài sản theo quy định của pháp luật.

2.2. Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc tháo dỡ toàn bộ phần nhà tạm bên trong có xây bệ đặt bát hương để trả lại cho ông, bà 9,1m² và trả ông bà 22cm phần móng nhà chạy dọc theo chân tường nhà phía bên phải khu mộ.

Như đã phân tích ở trên toàn bộ phần diện tích 134,4m² tại thửa đất số 55 tờ bản đồ 6G-IV-31 địa chỉ 218 phố K thuộc quyền sử dụng của ông C, bà L; Ông C, bà L đồng ý để phần đất mốc giới 5,6,7,8,13,14,15,5 để làm phần đất cho con cháu có lối đi để tiện việc hương khói đối với khu mộ, đây là sự tự nguyện của chủ tài sản nên ghi nhận.

Đối với phần diện tích đất còn lại ông C, bà L được quyền sử dụng đất theo quy định.

Quá trình giải quyết vụ án, ban đầu ông C, bà L yêu cầu Tòa án buộc ông P, ông P1 tháo dỡ phần nhà tạm hiện để ban thờ. Tuy nhiên, ông bà không cung cấp tài liệu chứng cứ chứng minh ông P, ông P1 là người dựng phần nhà này; tại phiên tòa ông C thừa nhận khi ông bà có việc về quê, khi trở lại thì phần nhà tạm 9,1m² đã được cải tạo (trên nền khung tường bếp cũ của nhà ông bà) thành hiện trạng như hiện nay, ông bà không biết ai là người cải tạo, chỉ biết ông P là người thường xuyên sử dụng khu nhà tạm này để để các vật dụng của gia đình ông P; Như vậy, chưa đủ căn cứ buộc ông P, ông P1 phải có nghĩa vụ tháo dỡ; Căn cứ khoản 2 Điều 11, Điều 163, 164, 166 và Điều 169 Bộ luật dân sự, xác định ông C, bà L có quyền tháo dỡ phần nhà tạm; Ông C bà L có quyền sử dụng và định đoạt đối với diện tích đất 9,1m².

3. Xét yêu cầu ông P, ông P1 chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật đối với phần diện tích đất thuộc quyền quản lý và sử dụng của ông bà.

Nhận thấy: Việc ông P để một số vật dụng tại phần diện tích 9,1m² thuộc phần đất thuộc quyền sử dụng của ông C, bà L mà không được sự đồng ý của ông C, bà L; Căn cứ Điều 12 Luật Đất đai, Điều 164, Điều 169 Bộ luật dân sự, buộc ông P di dời các vật dụng của ông P ra khỏi phần diện tích đất thuộc quyền sử dụng của ông C, bà L; Buộc

ông P, ông P1 chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật đối với phần diện tích đất thuộc quyền quản lý và sử dụng của ông bà.

2.2. Xét yêu cầu của bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Vũ Viết P và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Vũ Viết P1 thống nhất trình bày: “...Từ năm 1980 cho đến nay dòng họ nhà các ông đã quản lý và sử dụng toàn bộ diện tích khu mộ như hiện nay.

Đối với các giấy nhượng quyền sử dụng đất do ông C đã nộp tại Tòa, gia đình ông hoàn toàn không biết, gia đình cũng chưa bao giờ nghe thấy việc bố các ông chuyển nhượng đất cho vợ chồng bà L, ông C.

Các ông không đồng ý với toàn bộ ý kiến, yêu cầu của ông C, bà L. Đề nghị Tòa án không chấp nhận toàn bộ ý kiến, yêu cầu của ông C.

Nhận thấy: Tại biên bản Hòa giải về quản lý, sử dụng, tôn tạo mộ tại A tổ F phường K, Đ, Hà Nội ngày 11/4/2003 của UBND phường K có sự tham gia của ông P, ông P1, bà L, ông C, ông D, bà L1 tại biên bản làm việc có sự trình bày về việc mua bán đất giữa ông T và vợ chồng ông C, bà L. Ông P cho rằng:“...không có ý định tranh giành nhà đất mà chỉ nghĩ đến phần mộ chí của tổ tiên sao cho tôn nghiêm”. Ý kiến của ông P1 “Gia đình, dòng họ không có ý tranh giành đất cát mà chỉ xin sửa lại phần mộ thôi”. Ngoài văn bản thể hiện ý kiến của mình ngày 15/11/2022, ông P và ông P1 đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần tới Tòa để làm việc nhưng cả hai ông đều vắng mặt không có lý do, không thể hiện quan điểm, ý kiến nào khác. Tòa án đã yêu cầu ông P1, ông P cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của mình nhưng ngoài những ý kiến trên hai ông không cung cấp tài liệu chứng cứ, không đưa ra được tài liệu, không đề nghị triệu tập ai trong dòng họ là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan tới vụ án. Đương sự không giao nộp hoặc giao nộp không đầy đủ tài liệu, chứng cứ do Tòa án yêu cầu mà không có lý do chính đáng thì Tòa án căn cứ vào tài liệu, chứng cứ mà đương sự đã giao nộp và Tòa án đã thu thập theo quy định tại Điều 97 của Bộ luật này để giải quyết vụ việc dân sự.

Từ những nhận định trên, thấy có căn cứ để xác định ông P, ông P1 hoàn toàn biết việc có “Giấy chuyển nhượng đất cho em” ký giữa ông Vũ Viết T và bà Vũ Thị Tuyết L; Không có căn cứ để xác định từ năm 1980 cho đến nay dòng họ nhà ông P, ông P1 đã quản lý và sử dụng toàn bộ diện tích khu mộ như hiện nay; Không có căn cứ để tòa án triệu tập thêm người tham gia tố tụng nên không xét.

[3]. Về án phí: Ông C, bà L được miễn án phí; Ông P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Khoản 2, khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, 273, 280 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 5, Điều 7, Điều 159, Điều 160, Điều 163, Điều 164 và Điều 169 Bộ luật dân sự.

- Điều 3, Điều 12, Điều 26, Điều 100, Điều 101 Luật đất đai.

- Điều 27, Điều 18, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Xử:

1. Chấp nhận yêu khởi kiện của ông Nguyễn Hồng C, bà Vũ Thị Tuyết L đối với ông Vũ Viết P.

Xác nhận diện tích 134,4m² tại thửa đất số 55, tờ bản đồ số 6G-IV-31, địa chỉ số B phố K, quận Đ, Hà Nội (mốc giới 1,2,4,5,6,7,8,9,10,11,1) thuộc quyền sử dụng của ông Nguyễn Hồng C và bà Vũ Thị Tuyết L.

2. Ghi nhận sự tự nguyện của ông C, bà L dành diện tích 16,7m² đất gồm khu mộ và lối đi chung tại thửa đất số 55, tờ bản đồ số 6G-IV-31, địa chỉ số B phố K, quận Đ, Hà Nội (mốc giới 5,6,7,8,12,14,15,5) để con cháu tiện việc hương khói đối với các ngôi mộ.

3. Ông C, bà L có quyền tháo dỡ phần nhà tạm diện tích 9,1m² tại thửa đất số 55, tờ bản đồ số 6G-IV-31, địa chỉ số B phố K, quận Đ, Hà Nội (mốc giới 12,13,8,9,10,11,12) để quản lý và sử dụng theo quy định.

(Có hồ sơ kỹ thuật thửa đất lập tháng 6/2024 kèm theo).

4. Khi có quyết định thi hành án của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền buộc các tổ chức, cá nhân hiện để các vật dụng hoặc chiếm dụng trên diện tích 9,1m² đất và 22cm phần móng nhà chạy dọc theo chân tường nhà phía bên phải khu mộ tại địa chỉ nhà B phố K, quận Đ, Thành phố Hà Nội phải di dời trả lại diện tích đất nêu trên cho ông C, bà L.

5. Khi án có hiệu lực pháp luật, ông C, bà L có quyền chủ động liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục xác lập quyền sở hữu, quyền sử dụng đối với diện tích đất 134,4m² đất, tại thửa đất số 55 tờ bản đồ số 6G-IV-31, địa chỉ số B phố K, quận Đ, Hà Nội (mốc giới 1,2,4,5,6,7,8,9,110,11,1).

6. Án phí dân sự: Ông Nguyễn Hồng C, bà Vũ Thị Tuyết L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Ông Vũ Viết P phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND quận Đống Đa;
- Chi cục thi hành án quận Đống Đa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Quản Văn Tiến